TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 90/2020/QĐST-HNGĐ	*Bắc Giang, ngày 07 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬNCỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 526/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số nhà 14, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Đỗ Duy P, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà 14, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Duy P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung là: Đỗ Phương A, sinh ngày 21/9/2000

Đỗ Phương L, sinh ngày 02/7/2005.

Con chung là Đỗ Phương A, sinh ngày 21/9/2000 đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn các đương sự thỏa thuận giao cho chị T nuôi con chung Đỗ Phương L, sinh ngày 02/7/2005.

Về phần cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- ***Về tài sản chung và công nợ chung:*** Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về án phí***: Chị Nguyễn Thị T chịu 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đồng theo biên lai số AA/2016/0000801 ngày 20/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Hoàn trả chị T số tiền 150.000đồng tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS thành phố B;
- VKSND thành phố B;
- UBND phường N TP. B.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Tú